Lab 03: VARIABLE LENGTH SUBNET MASK

Nhắc lại kiến thức:

IP Address Classes

| Class A | 1 – 127 | (Network 127 is rese Leading bit pattern | rved for 0 | loopback and internal testing) |
|---------|-----------|--|---------------|--|
| Class B | 128 – 191 | Leading bit pattern | 10 | 10000000.00000000.00000000.00000000 Network . Network . Host . Host |
| Class C | 192 – 223 | Leading bit pattern | 110 | 11000000.00000000.00000000.00000000000 |
| Class D | 224 – 239 | (Reserved for multicast) | | |
| Class E | 240 – 255 | (Reserved for experimental, used for research) | | |

Private Address Space

| Class A | 10.0.0.0 to 10.255.255.255 |
|---------|--------------------------------|
| Class B | 172.16.0.0 to 172.31.255.255 |
| Class C | 192.168.0.0 to 192.168.255.255 |

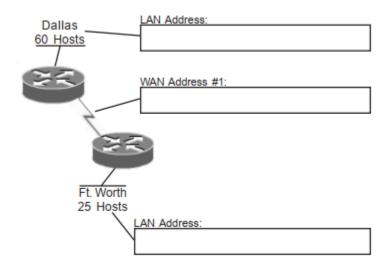
Default Subnet Masks

Class A 255.0.0.0

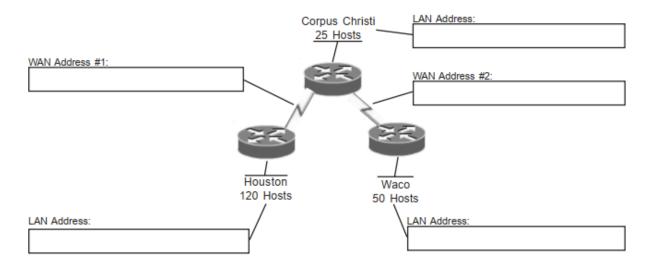
Class B 255.255.0.0

Class C 255.255.255.0

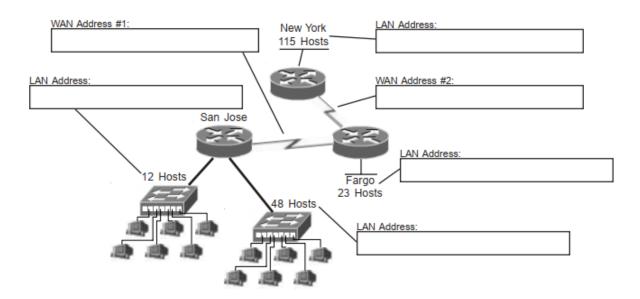
Bài tập 1: Cho địa chỉ Lớp C 190.10.10.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



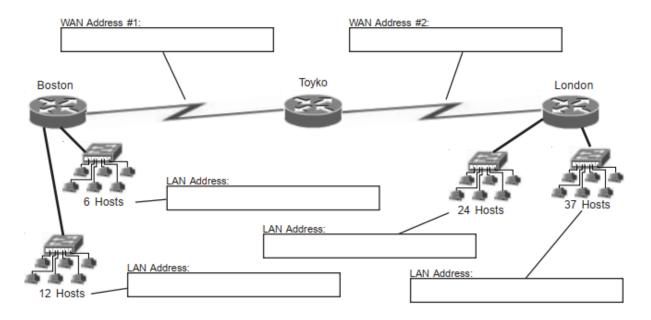
Bài tập 2: Cho địa chỉ lớp C 220.108.38.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



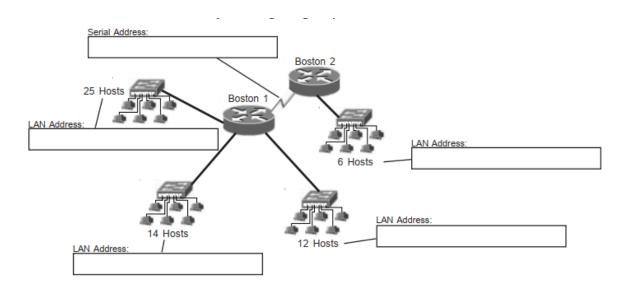
Bài tập 3: Cho địa chỉ lớp C 192.168.10.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



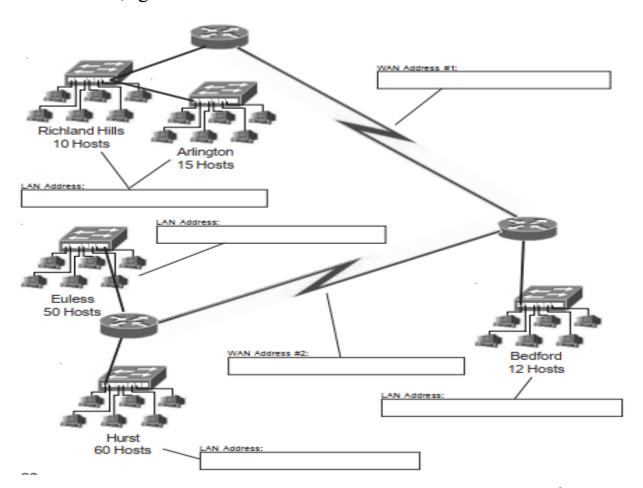
Bài tập 4: Cho địa chỉ lớp C 222.10.150.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



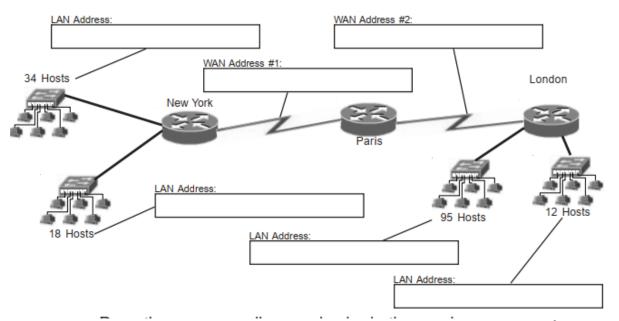
Bài tập 5: Cho địa chỉ lớp C 200.150.70.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



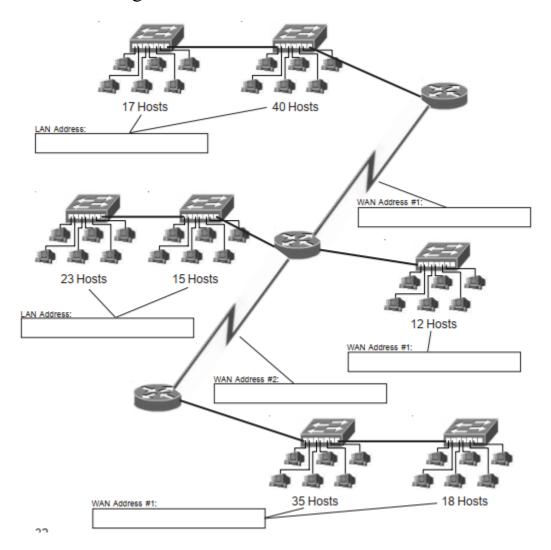
Bài tập 6: Cho địa chỉ lớp C 223.150.50.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



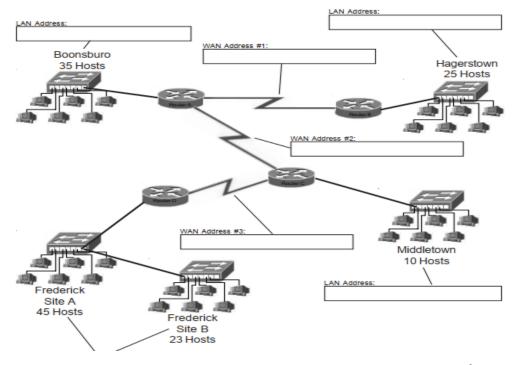
Bài tập 7: Cho địa chỉ lớp C 192.168.24.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 8: Cho địa chỉ lớp C 222.22.2.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 9: Cho địa chỉ lớp C 200.20.2.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.



Bài tập 10: Cho địa chỉ 190.150.23.0, hãy chia mạng theo kiểu VLSM cho sơ đồ mạng sau.

